SỞ Y TẾ THANH HÓA
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: 436 /QĐ-KSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày04 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động thấu thầu;

Căn cứ Thông báo số 10674/TB-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Thanh Hoá về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 101/KSBT-KHNV ngày 20/01/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ chi tiết dự toán chi NSNN của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-KSBT ngày 15/07/2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng mua sắm thực hiện: Mua dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 2456/TTr-HĐMS ngày 03/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm, bảo trì, bảo dưỡng máy

móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chi tiết tại phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 và phụ lục 4 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm (theo Quyết định số 274/QĐ-KSBT ngày 15/07/2026), Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng khoa Dược - VTYT và các khoa/phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TTKSBT (để biết);
- Lưu VT, HĐMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Bình Yên

Số: 436/QĐ-KSBT; 04/11/2026; 13:45:38

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Dự toán mua sắm: Mua dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Gói số 1. Mua dịch vụ kiểm định máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Mua dịch vụ kiểm định máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	32.454.000	Từ nguồn kinh phí theo Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (Thông báo số 10674/TB-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Thanh Hoá về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2026 và nguồn thu sự nghiệp của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		Không quá 30 ngày	Tháng 11/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	40 ngày	Không áp dụng
2		Gói số 2. Mua dịch vụ hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác	Mua dịch vụ hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên	142.292.000		Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		Không quá 30 ngày	Tháng 11/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	40 ngày	Không áp dụng

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
		chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.	môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.									
3		Gói số 3. Mua dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.	Mua dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.	12.000.000		Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		Không quá 30 ngày	Tháng 11/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	40 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**186.746.000**								

Phụ lục 2

Danh mục các dịch vụ của gói thầu: Gói số 1. Mua dịch vụ kiểm định máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 1	1	Cân bàn	model: M118600-01. Serial: 21274-0000394	Xuất xứ: Đức	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 2	2	Cân bàn	Model: Medel Digital - Serial: 95133	Hãng sản xuất: Medel - Xuất xứ: Italia	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 3	3	Cân sức khỏe	Model: TZ-120 Seri:	Hãng sản xuất: Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 4	4	Cân sức khỏe	Model: Seri:	Hãng sản xuất: Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 5	5	Cân điện tử	Model:Medel Digital Serial:3617\001184	Italya	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 6	6	Cân điện tử	Model:Medel Digital Seial: 3617\001841	Italya	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 7	7	Máy đo huyết áp cơ	Model: ALPK2 Seri:	Hãng sản xuất: Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	1	Kiểm định	108.000	108.000	
Phần 8	8	Máy đo huyết áp cơ	Model: ALPK2 1969 Seri:	Hãng sản xuất: Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	1	Kiểm định	108.000	108.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 9	9	Máy đo huyết áp điện tử	model: HEM-8712. Serial: 20200914856VG	Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 10	10	Máy đo huyết áp điện tử	model: HEM-8712. Serial: 20200914853VG	Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 11	11	Máy đo huyết áp điện tử	Model: 'HEM-7130 - Serial: 2019120150VG	Hãng sản Xuất: Omron Healthcare - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	Kiểm định	324.000	324.000	
Phần 12	12	Nồi hấp tiệt trùng trung tâm SAT - 500- STUI	Model: SAT-500-J-A000	Hãng sản xuất: Sturdy Xuất xứ: Đài Loan	Cái	1	Kiểm định	2.160.000	2.160.000	
Phần 13	13	Đồng hồ ô xy	Model: Seri: 101325Pa	Hãng sản xuất: KIMURA Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	1	Kiểm định	162.000	162.000	
Phần 14	14	Nhiệt kế điện tử	Model: AG 9443 Serial: N2019-11-260375	Xuất xứ: Thụy Sĩ	Cái	1	Kiểm định	1.080.000	1.080.000	
Phần 15	15	Máy đo cường độ ánh sáng đèn UVA/UVC Light meter- SDL470	Model:TM-SDL470 Serial: Q976477	Hãng sản xuất:: Extech Xuất xứ:Trung Quốc	Cái	1	Kiểm định	8.640.000	8.640.000	
Phần 16	16	Máy đo cường độ ánh sáng MULTI-LED Light Meter- TM 209M	Model:TM-209M Serial: 240800748	Hãng sản xuất:Tenmars Xuất xứ:TAIWAN	Cái	1	Kiểm định	8.640.000	8.640.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 17	17	Máy đo cường độ ánh sáng MULTI-LED Light Meter- TM 209M	Model:TM-209M Serial: 240800739	Hãng sản xuất:Tenmars Xuất xứ:TAIWAN	Cái	1	Kiểm định	8.640.000	8.640.000	
		Tổng cộng: 17 danh mục							**32.454.000**	

Phụ lục 3

Danh mục các dịch vụ của gói thầu: Gói số 2. Mua dịch vụ hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 1	1	Kho lạnh bảo quản vắc xin		Hãng sản xuất: Thịnh Khôi	Hệ thống	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	2.000.000	2.000.000	
Phần 2	2	Tủ lạnh TCW 3000	- Model TCW 3000 - Số Serial 8162478	Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 3	3	Tủ lạnh bảo quản VLS 200	- Model VLS 200 Greenline - Số serial: 20153603501	Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 4	4	Tủ lạnh bảo quản vắc xin TCW4000AC	- Model TCW-4000AC - Số serial: 0191608	Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 5	5	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: TCW 3000 - Serial: 8162500	- Hãng sản xuất: Dometic - Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 6	6	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: TCW 3000 - Serial: 8152196	- Hãng sản xuất: Dometic - Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ -25 đến -15 độ C	864.000	864.000	
Phần 7	7	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: TCW 4000AC - Serial: 0191537	- Hãng sản xuất: B Medical	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Systems - Xuất xứ: Luxembourg						
Phần 8	8	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: TCW 4000AC - Serial: 0191494	- Hãng sản xuất: B Medical Systems - Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 9	9	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: TCW 4000AC - Serial: 0191584	- Hãng sản xuất: B Medical Systems - Xuất xứ: Luxembourg	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 10	10	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: VLS 200 - Serial: 20153603551	- Hãng sản xuất: Vestfrost - Xuất xứ: Đan mạch	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 11	11	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: VLS 200 - Serial: 20153603502	- Hãng sản xuất: Vestfrost - Xuất xứ: Đan mạch	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	
Phần 12	12	Tủ lạnh bảo quản vắc xin	- Model: HBC 200 - Serial: BE07GPE0N00QEEBD0002	- Hãng sản xuất: Haier BioMedical - Xuất xứ: Trung	Cái	1	Hiệu chuẩn nhiệt độ trong khoảng từ 2 đến 8 độ C	864.000	864.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				Quốc						
Phần 13	13	Nhiệt kế ẩm tự ghi	Model: GSP-6	- Hãng sản xuất: Elitech - Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	8	Hiệu chuẩn giá trị đo: nhiệt độ, độ ẩm	324.000	2.592.000	
Phần 14	14	Nhiệt kế ẩm tự ghi	Model: TT-580	- Hãng sản xuất: Tanita - Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	2	Hiệu chuẩn giá trị đo: nhiệt độ, độ ẩm	324.000	648.000	
Phần 15	15	Nhiệt kế thủy ngân			Cái	8	Hiệu chuẩn giá trị đo nhiệt độ	324.000	2.592.000	
Phần 16	16	Tủ âm sâu (-20 độ C)	YD-180B, Y09080041	Trung Quốc	Cái	1	Độ chính xác ở -5, -10, -20 độ C	1.500.000	1.500.000	
Phần 17	17	Bình định mức 25 ml		Glassco, Anh	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở mức 25ml	450.000	450.000	
Phần 18	18	Bình định mức 50 ml		Hirschmain, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở mức 50ml	350.000	350.000	
Phần 19	19	Burret 10 ml		GamaLab, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở mức 01, 05, 10ml	350.000	350.000	
Phần 20	20	Burret 50 ml		GamaLab, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở mức 10, 25, 50ml	350.000	350.000	
Phần 21	21	Cân điện tử 10^{-2}	- Model: JL602-G/L01 - Serial: B308060842	Mettler Toledo, Thuỵ Sỹ	Cái	1	Hiệu chuẩn: - Kiểm tra tải trọng lệch tâm - Kiểm tra độ chính xác ở 0,01g - Kiểm tra ở dải cân 10g, 25g, 50g.	650.000	650.000	
Phần 22	22	Cân phân tích 10 mũ âm 4	CPA224S/25210399	Sartorius, Đức	Cái	1	Kiểm tra tải trọng lệch tâm	650.000	650.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		gam. Mã TS: 0260					Kiểm tra độ chính xác ở 9 mức tải			
Phần 23	23	Cân phân tích 10 mũ âm 5 gam. Mã TS: 0258	Model: Presscisa 262/12143	Swiss quality, Thuỵ Sỹ	Cái	1	Kiểm tra tải trọng lệch tâm Kiểm tra độ chính xác ở 9 mức tải	650.000	650.000	
Phần 24	24	Cân kĩ thuật 10 mũ âm 2 gam Mã TS: 0259	CPA4202S/25206664	Sartorius, Đức	Cái	1	Kiểm tra tải trọng lệch tâm Kiểm tra độ chính xác ở 9 mức tải	650.000	650.000	
Phần 25	25	Máy đo cường độ ánh sáng MULTI-LED Light Meter-TM 209M	Model:TM-209M Serial: 240800748	Hãng sản xuất:Tenmars Xuất xứ:TAIWAN	Cái	1	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh - Đo cường độ ánh sáng 0-4.000. lux	2.700.000	2.700.000	
Phần 26	26	Máy đo pH để bàn	pH 700 3047379	Eutech Instruments, Singapo	Cái	1	Hiệu chuẩn giá trị pH 4,00; 7,00; 10,00 ở nhiệt độ 15, 25, 40 độ C Kiểm tra độ ổn định KT hiệu suất điện cực Kiểm tra bù nhiệt	1.296.000	1.296.000	
Phần 27	27	Máy đo pH để bàn Mã TS: 0305	Orion Star A211/X45292	Thermo, Indonesia	Cái	1	Hiệu chuẩn giá trị pH 4,00; 7,00; 10,00 ở nhiệt độ 15, 25, 40 độ C Kiểm tra độ ổn định KT hiệu suất điện cực Kiểm tra bù nhiệt	1.296.000	1.296.000	
Phần	28	Máy đọc	Imark	Bio-rad,	Cái	1	Độ hấp thụ (OD) tại			

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
28		ELISA	12240	Nhật			các bước sóng 415, 450, 595, 655, 750nm.	2.700.000	2.700.000	
Phần 29	29	Máy đọc ELISA Mã TS: 0155	Choromate 4300-3084	Awreness, Mỹ	Cái	1	Độ hấp thụ (OD) tại các bước sóng 450, 492, 630nm.	2.700.000	2.700.000	
Phần 30	30	Máy ủ ELISA	IPS 10 07 3940	Bio-rad, Pháp	Cái	1	Nhiệt độ ở 37 độ C	650.000	650.000	
Phần 31	31	Máy ủ ELISA Mã TS: 0155	Stat fax 2200-8320	Awreness, Mỹ	Cái	1	Nhiệt độ ở 37 độ C	650.000	650.000	
Phần 32	32	Nồi hấp tiệt trùng	HSSS325 36103083	Nhật Bản	Cái	1	Nhiệt độ trung bình tổng thể Áp suất trung bình tổng thể	1.000.000	1.000.000	
Phần 33	33	Nồi hấp tiệt trùng Mã TS: 0381	TOMY SS325 31103360	Nhật Bản	Cái	1	Nhiệt độ trung bình tổng thể Áp suất trung bình tổng thể	1.000.000	1.000.000	
Phần 34	34	Nồi hấp tiệt trùng Mã TS: 0404	TOMY ES 315 40135172	Nhật Bản	Cái	1	Nhiệt độ trung bình tổng thể Áp suất trung bình tổng thể	1.000.000	1.000.000	
Phần 35	35	Tủ sấy Memmert	Model: Seri:	Hãng sản xuất: Memmert Xuất xứ: Đức	Cái	1	Hiệu chuẩn '- Kiểm tra nhiệt độ chuẩn 121 độ C	650.000	650.000	
Phần 36	36	Tủ sấy Mã TS: 0437	UF160	Menmert, Đức	Cái	1	Nhiệt độ trung bình tổng thể	650.000	650.000	
Phần 37	37	Tủ sấy JSOF-153T Mã TS: 0340	JSOF-153T/13110782	JSR, Hàn Quốc	Cái	1	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 105, 121, 150oC	1.080.000	1.080.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 38	38	Tủ ấm Mã TS: 0448	JSGI-153P 13110674	Hàn Quốc	Cái	1	Nhiệt độ trung bình tổng thể	650.000	650.000	
Phần 39	39	Pipetman 10 - 100µl đơn kênh;	A0650191	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 10µl; 50µl; 100µl	350.000	350.000	
Phần 40	40	Pipetman 10 - 100µl đơn kênh;	TC IB457888	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 10µl; 50µl; 100µl	350.000	350.000	
Phần 41	41	Pipe man 10-100 µl đơn kênh	C029396	EMCLAB, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 10µl; 50µl; 100µl	350.000	350.000	
Phần 42	42	Pipetman 10-100µl đơn kênh	YE5A414943	DRAGON Trung quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 10µl; 50µl; 100µl	350.000	350.000	
Phần 43	43	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	Dragon Lab, YE3K057049	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 44	44	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	Transferpette S	Brand, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 45	45	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	TC 176000	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 46	46	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	4U LH643581	Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl;	350.000	350.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
							1000µl			
Phần 47	47	Pipetman 100-1000µl đơn kênh. Mã TS: 0362	C028352	EMCLAB, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 48	48	Pipetman 100-1000µl đơn kênh		Bio-rad, Mỹ	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 49	49	Pipetman 100-1000µl đơn kênh	YE3K057049	DRAGON Trung quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 50	50	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	Cleaver B56560001	OmniPETTE, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 51	51	Pipetman 100 - 1000µl đơn kênh;	Cleaver B56560153	OmniPETTE, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 100µl; 500µl; 1000µl	350.000	350.000	
Phần 52	52	Pipetman 5 - 10µl đơn kênh;	Dragon Lab	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 1µl; 5µl; 10µl	432.000	432.000	
Phần 53	53	Pipetman 5-50µl đơn kênh;	YE3K045574	DRAGON Trung quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 5µl; 20µl; 50µl	350.000	350.000	
Phần 54	54	Pipetman 0,5 - 10µl đơn kênh;		Bio-rad, Mỹ	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 0,5µl; 5µl; 10µl;	432.000	432.000	
Phần 55	55	Pipetman 0,5 - 10µl đơn kênh;	Seri: 5062159	Labopette, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 0,5µl; 5µl; 10µl;	432.000	432.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 56	56	Pipetman 50 - 200µl đơn kênh; Mã TS: 202154	CU 22947	Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 50µl; 100µl; 200µl;	350.000	350.000	
Phần 57	57	Pipetman 20-200µl Mã TS: 202157	10002708	Trung Quốc	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức: 20µl, 100 µl, 200µl;	350.000	350.000	
Phần 58	58	Pipetman 20 - 200µl đơn kênh;		Bio-rad, Mỹ	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 20µl; 100µl; 200µl	350.000	350.000	
Phần 59	59	Pipetman 2-20 µl đơn kênh;	HEM 6134273	Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 2µl; 10µl; 20µl	350.000	350.000	
Phần 60	60	Pipetman 2 - 20µl đơn kênh;		Bio-rad, Mỹ	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 2µl; 10µl; 20µl	350.000	350.000	
Phần 61	61	Pipet Piston 2-10ml Mã TS: C202125	YM4D023363	EMCLAB, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở 3 mức 2ml, 5ml, 10 ml	350.000	350.000	
Phần 62	62	Pipet Piston 1000µl (Đơn kênh, đơn mức)	M21307F	Eppendorf, Đức	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác ở mức: 1000µl	350.000	350.000	
Phần 63	63	Nhiệt ẩm kế điện tử Mã TS: C202068	608-H1/45070749	Testo, TQ	Cái	1	Nhiệt độ hiệu chuẩn (15,25,35) độ C. Độ ẩm hiệu chuẩn (30,55,80) %RH	324.000	324.000	
Phần 64	64	Máy sinh hóa máu	HumanLyzer 2000 2500-8154	Human GmbH,	Cái	1	Phân tích độ chính xác của	5.000.000	5.000.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Mã TS: 0647		Đức			hệ thống: GLU, SGOT, SGPT, Uric Choleterol, Ure, Creatinin, Triglycerid			
Phần 65	65	Máy sinh hóa tự động BA400	BA 400, 834003028	BioSystems S.A, Tây ban nha	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
Phần 66	66	Máy sinh hóa nước tiểu 13 thông số	Combilyzer 13 100250	Human GmbH, Đức	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
Phần 67	67	Máy phân tích huyết học bán tự động XS-800i	XS-800i, 67821	Symex, Nhật	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
Phần 68	68	Máy huyết học tự động DxH 560	DxH 560, BG030164	Becchman Ireland Inc	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
Phần 69	69	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu	MX6 iBRID	Industrial Scientific - Mỹ	Cái	1	Hiệu chuẩn các sensor: NO2, NH3, H2S, CO, SO2, Cl2	16.200.000	16.200.000	
Phần 70	70	Máy đo độ ồn SOUND LEVEL METER - SL4200	Model: SL4200 Serial: S1280848	Hãng sản xuất:Tenmars Xuất xứ:Trung Quốc	Cái	1	Hiệu chuẩn, hiệu chỉnh - Đo độ ồn từ 350-130 dBA	5.400.000	5.400.000	
Phần 71	71	Máy đo quang phổ UV-1800	UV-1800/A11635100798	Shimadzu, Nhật	Cái	1	Bước sóng hiệu chuẩn: (410, 420, 440, 510, 520, 546, 570, 600, 635, 880) nm	2.800.000	2.800.000	
Phần 72	72	Máy lấy mẫu không khí	ESCORT ELF@Pump	Zefon Internation	Cái	2	Hiệu chuẩn lưu lượng dải thấp, dải cao	4.320.000	8.640.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
				al, Mỹ						
Phần 73	73	Máy quang đo clo dư trong nước sạch.	S/N: 904230044111	Hãng sản xuất: Hanna Instruments	Cái	1	Hiệu chuẩn dải đo 0,2-1,0 và 1,0 - 2,5 mg/L	1.000.000	1.000.000	
Phần 74	74	Hệ thống máy sắc ký ion ICS6000 Dionex	DIONEX ICS 6000	Thermo Scientific - Mỹ	Bộ	1	Kiểm tra Độ chính xác tốc độ dòng (0,5-1,0-1,5 ml/min) Kiểm tra Độ chính xác nhiệt độ lò cột (25-30oC) Kiểm tra độ chính xác của độ dẫn Kiểm tra độ chính xác của áp suất Kiểm tra Độ lặp lại Kiểm tra Độ tuyến tính	12.960.000	12.960.000	
Phần 75	75	Máy ly tâm Hettich lạnh	Seri: C - 101903 Model: Mikro 220R	Hettich - Đức	Cái	1	Màn hình hiển thị kỹ thuật số, lực ly tâm max, tốc độ tối đa, khả năng ly tâm và thời gian ly tâm.	864.000	864.000	
Phần 76	76	Máy pha chế (rót) môi trường; Mã TS: 0380	Dose it 0910 1711048	Intergra Bio sciences - Thụy Sĩ	Cái	1	Kiểm tra độ chính xác thể tích rót	500.000	500.000	
Phần 77	77	Bộ quả cân 23 quả Mã TS: 0253	F1/11119512	Mettler, Trung Quốc	Cái	1	Số lượng: 23 quả; Dãy: 1-2-2-5 Khối lượng danh định: (1; 2; 2; 5; 10; 20; 20; 50; 100; 200; 200; 200)mg và (1; 2;	5.000.000	5.000.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
							2; 5; 10; 20; 20; 50; 100; 200, 200)g			
Phần 78	78	Tủ an toàn sinh học cấp II, ESCO	Model: AC2 - 4E8 Seri: 2016 - 110101	Singapore	Cái	1	Thử nghiệm hướng dòng khí, tiếng ồn, tốc độ dòng khí qua cửa, dòng khí thổi xuống bề mặt, lưu lượng dòng khí; độ rọi ánh sáng nền, ánh sáng khả kiến xuông bề mặt làm việc, cường độ ánh sáng tím UV.	4.000.000	4.000.000	
Phần 79	79	Máy sinh hóa nước tiểu 13 thông số	Combilyzer 13 /140196	Human GmbH, Đức	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
Phần 80	80	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số, UA-66, Trung Quốc	WC-7B100875	Trung Quốc	Cái	1	Độ chính xác của hệ thống	5.000.000	5.000.000	
		Tổng cộng: 80 danh mục							**142.292.000**	

Phụ lục 4

Danh mục các dịch vụ của gói thầu: Gói số 3. Mua dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị y tế năm 2026 phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Phần 1	1	Kính hiển vi quang học	CX41RF, 7C47936	Olympus-Nhật Bản; Philippines	Cái	1	Bảo trì, bảo dưỡng: - Vệ sinh toàn bộ thiết bị - Kiểm tra và xử lý các lỗi/ hư hỏng nhỏ (nếu có) (không bao gồm vật tư, linh kiện thay thế)	2.000.000	2.000.000	
Phần 2	2	Kính hiển vi quang học	CX41RF, 8E23818	Olympus-Nhật Bản; Philippines	Cái	1	Bảo trì, bảo dưỡng: - Vệ sinh toàn bộ thiết bị - Kiểm tra và xử lý các lỗi/ hư hỏng nhỏ (nếu có) (không bao gồm vật tư, linh kiện thay thế)	2.000.000	2.000.000	
Phần 3	3	Kho lạnh bảo quản vắc xin		Hãng sản xuất: Thịnh Khôi	Hệ thống	1	Bảo trì, bảo dưỡng - Vệ sinh toàn bộ thiết bị - Kiểm tra và xử lý các lỗi/ hư hỏng nhỏ (nếu có) (không bao gồm vật tư, linh kiện thay thế) - Kiểm tra nhiệt độ, bảo đảm nhiệt độ của tủ hoạt động trong phạm vi an toàn từ 2 độ C - 8 độ C. Ghi nhận nhiệt độ trước và sau thời gian bảo trì, bảo dưỡng.	3.000.000	3.000.000	
Phần 4	4	Tủ lạnh TCW 3000	- Model: TCW 3000	- Hãng sản xuất: B Medical	Cái	1	- Vệ sinh toàn bộ thiết bị - Kiểm tra và xử lý các lỗi/ hư hỏng nhỏ (nếu có)	2.500.000	2.500.000	

Số phần	STT	Tên máy móc, thiết bị y tế	Model, Serial	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Chi tiết nội dung thực hiện	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
			- Số Serial: 8162478	Systems - xuất xứ: Luxembourg			(không bao gồm vật tư, linh kiện thay thế) - Kiểm tra nhiệt độ, bảo đảm nhiệt độ của tủ hoạt động trong phạm vi an toàn từ +2 độ C đến +8 độ C. Ghi nhận nhiệt độ trước và sau thời gian bảo dưỡng.			
Phần 5	5	Tủ lạnh bảo quản VLS 200	- Model: VLS 200 Greenline - Số Serial: 20153603501	- Hãng sản xuất: Vestfrost - xuất xứ: Đan Mạch	Cái	1	- Vệ sinh toàn bộ thiết bị - Kiểm tra và xử lý các lỗi/ hư hỏng nhỏ (nếu có) (không bao gồm vật tư, linh kiện thay thế) - Kiểm tra nhiệt độ, bảo đảm nhiệt độ của tủ hoạt động trong phạm vi an toàn từ +2 độ C đến +8 độ C. Ghi nhận nhiệt độ trước và sau thời gian bảo dưỡng.	2.500.000	2.500.000	
		Tổng cộng: 05 danh mục.							**12.000.000**	